

MỘT SỐ LƯU Ý KHI LÀM BÀI TẬP VÀ BÀI KIỂM TRA

MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

A- Lý thuyết:

Ôn lại nội dung cơ bản các chương đã học.

Ôn lại các tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình

Ôn lại trình tự ghi sổ của 4 hình thức: Sổ nhật ký chung, Nhật ký-chứng từ, Nhật ký-Sổ cái và Chứng từ ghi sổ.

Ôn lại 03 phương pháp sửa sổ kế toán: cải chính, ghi bổ sung và ghi số âm.

B- Bài tập:

1. Cách hiểu một số cụm từ: nếu là “chi phí lương phải trả” có nghĩa là kế toán đã định khoản Nợ TK chi phí có liên quan/Có TK 334, nếu là “Lương phải trả CBCNV” có nghĩa là TK 334. Chỉ có các TK thu nhập (511, 515, 711) và chi phí (632, 641, 642, 635, 811) mới được kết chuyển sang TK 911, vì vậy “lương phải trả CBCNV” không được kết chuyển sang TK 911.
2. Khi mua sắm tài sản cố định, phí lắp đặt, chạy thử và phí vận chuyển TSCĐ về nơi sử dụng, phí luật sư liên quan được tính vào nguyên giá TSCĐ. Tuy nhiên, nếu phát sinh phí sửa chữa hư hại TSCĐ trong quá trình lắp đặt không được tính vào nguyên giá TSCĐ.
3. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán (trước kỳ trả lương cho CBCNV), khi xác định tiền lương phải trả, kế toán sẽ định khoản như sau: Nợ TK chi phí lương/Có TK Lương phải trả.
4. Chú ý một số tài khoản lạ khi lập bảng cân đối kế toán:
 - Doanh thu chưa thực hiện (TK 3387): là một chỉ tiêu thuộc phần Nguồn vốn (Nợ phải trả), thứ tự xếp sau TK 331, TK 334.
 - Chứng khoán ngắn hạn (TK 121): là một chỉ tiêu thuộc phần Tài sản, thứ tự xếp sau TK 111, TK 112.
 - Khi lập bảng cân đối kế toán phần nguồn vốn, nên chia phần Nguồn vốn thành 02 phần: Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu, trong đó Vốn chủ SH thường bao gồm (theo thứ tự):

Nguồn vốn kinh doanh

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ dự phòng tài chính

Lợi nhuận chưa phân phối

5. Nếu đề bài yêu cầu định khoản kế toán (không cho số tiền) thì phải căn cứ vào số dư đầu kỳ của các TK. Ví dụ:
- Số dư đầu kỳ của TK 131 (Phải thu của khách hàng) là 100 triệu đồng. Trong kỳ, phát sinh nghiệp vụ sau: Người mua thanh toán 100% tiền hàng còn nợ kỳ trước bằng tiền mặt. Khi đó, sẽ định khoản như sau: Nợ TK 111/Có TK 131: số tiền 100 triệu đồng.
 - Tương tự, nếu đề bài cho số dư của TK 155 (Thành phẩm) thì nghiệp vụ xuất bán sản phẩm trong kỳ là xuất bán thành phẩm. Ngược lại, nếu cho số dư TK 156 (Hàng hóa) thì xuất bán sản phẩm được hiểu là xuất bán hàng hóa.
 - Đối với các nghiệp vụ mua nguyên vật liệu, hàng hóa và bán sản phẩm tiêu thụ, nếu đề bài không đề cập đến thuế GTGT đầu vào/đầu ra thì không cần hạch toán thuế. Ví dụ: nghiệp vụ “bán 01 lô sản phẩm (thành phẩm) cho khách hàng giá 50 triệu đồng, khách hàng chưa thanh toán” được định khoản như sau: Nợ TK 131/Có TK 511, số tiền 50 triệu đồng, đồng thời hạch toán giá vốn liên quan: Nợ TK 632/Có TK 155, số tiền (đề bài cho)
 - Thanh toán tiền vận chuyển nguyên vật liệu nhập kho 10 triệu đồng bằng chuyển khoản, kế toán ghi Nợ TK 112/Có TK 152, số tiền 10 triệu đồng (vì tiền vận chuyển đã được tính vào trị giá NVL nhập kho).
6. Đối với nghiệp vụ trả trước tiền thuê văn phòng, thuê mặt bằng trả trước bằng TGNH cho nhiều kỳ:
- Nếu trả trước cho thời gian ≤ 01 năm (12 tháng), kế toán ghi Nợ TK 142 (Chi phí trả trước ngắn hạn)/Có TK 112, tổng số tiền trả trước.
 - Nếu trả trước cho nhiều năm (trên 12 tháng), kế toán ghi Nợ TK 242 (Chi phí trả trước dài hạn)/Có TK 112, tổng số tiền trả trước.
 - Phân bổ chi phí trả trước cho từng kỳ: chú ý giả định kỳ là tháng, quý hay năm, kế toán ghi Nợ TK 642/Có TK 142, 242
7. Bảng cân đối tài khoản (Bảng cân đối số phát sinh) không phải là báo cáo tài chính (ôn lại hệ thống báo cáo tài chính DN), phản ánh số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của các tài khoản đang được sử dụng tại DN.
8. Ôn lại 03 phương pháp tính giá hàng xuất kho (FIFO, LIFO, bình quân gia quyền), chú ý ôn tập cả cách tính trị giá hàng tồn kho cuối kỳ.